

CỤC THUẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHI CỤC THUẾ TX CHƠN THÀNHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: LTB2470710-TK0002580/TB-CCT

Thị xã Chơn Thành, ngày 01 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO NỘP TIỀN
Về tiền sử dụng đất

- ☒ Thông báo lần đầu ☐ Thông báo điều chỉnh, bổ sung
- ☐ Thông báo xác định lại đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ nhưng quá 5 năm chưa thanh toán nợ

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ pháp luật về tiền sử dụng đất và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ hồ sơ và Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số: 2000 ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Cơ quan tiếp nhận hồ sơ về giải quyết thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất, số liệu xác định của Sở Tài chính về tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất (nếu có);

Chi cục Thuế TX Chơn Thành xác định và thông báo tiền sử dụng đất phải nộp như sau:

I. THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ

1. Tên người sử dụng đất: **Nguyễn Văn Dân**
2. Mã số thuế: **3800554789**
3. Địa chỉ: **Tổ 4, Kp. Phú Thanh**
4. Số điện thoại: Email:
5. Tên đại lý thuế hoặc người được uỷ quyền (nếu có):
6. Mã số thuế:
7. Địa chỉ:



II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT

1. Thửa đất số: **141** Tờ bản đồ số: **74**
2. Địa chỉ: **KP 3, Phường Hưng Long, Thị xã Chơn Thành, Bình Phước**
- 2.1. Số nhà: Tòa nhà:
- Ngõ/hẻm:
- Đường/phố:
- Thôn/xóm/ấp:
- 2.2. Phường/xã: **Phường Hưng Long**
- 2.3. Quận/huyện: **Thị xã Chơn Thành**
- 2.4. Tỉnh/thành phố: **Bình Phước**
3. Vị trí theo Bảng giá đất:
- 3.1. Đường/đoạn đường/khu vực:
- Đường Thành Thái/Ngã ba ranh giới KP 1-3-Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64 tờ bản đồ số 65)
- 3.2. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...): **Phạm vi 1**
4. Mục đích sử dụng đất: **Đất ở**
5. Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: **Đất khác**
6. Nguồn gốc đất (Nhà nước giao/chuyển từ thuê sang giao...):
7. Thời hạn sử dụng đất:

- 7.1. Ôn định lâu dài: ☒ x
- 7.2. Có thời hạn: ... năm Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...
- 7.3. Gia hạn: ... năm Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...
8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:
9. Diện tích thửa đất (m²): **50**
10. Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất (m²): **50**
- 10.1. Đất ở (m²): **50**
- 10.1.1. Trong hạn mức giao đất ở (m²): **0**
- 10.1.2. Ngoài hạn mức giao đất ở (m²): **50**
- 10.2. Đất nghĩa trang, nghĩa địa (m²):
- 10.3. Trường hợp khác (m²):
11. Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (m²):
12. Hình thức sử dụng đất: **Hộ gia đình, cá nhân chuyển từ đất nông nghiệp được Nhà nước giao không thu TSDD sang đất ở**
13. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m²): **1.200.000 (Hệ số VHM: 1.05)**

III. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Giá của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng: **200.000 (Hệ số VHM (Trước CDMĐSD): 1)**
2. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất theo mức:
- 2.1. Chênh lệch giữa giá 2 loại đất khi chuyển mục đích: **53.000.000 đồng**
- 2.2. Bằng 50% chênh lệch giữa giá 2 loại đất:
- 2.3. Bằng 50% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:
- 2.4. Bằng 100% tiền sử dụng đất:
- 2.5. Trường hợp khác:
3. Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp: **53.000.000 đồng**
4. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và các khoản giảm trừ khác (nếu có):
- 4.1. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả cho ngân sách nhà nước được trừ vào tiền sử dụng đất:
- 4.2. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng tự nguyện ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất:
- 4.3. Các khoản giảm trừ khác:
5. Miễn, giảm tiền sử dụng đất (nếu có):
- 5.1. Miễn tiền sử dụng đất:
- 5.1.1. Lý do miễn:
- 5.1.2. Thời gian miễn:
- 5.1.3. Số tiền miễn:
- 5.2. Giảm tiền sử dụng đất:
- 5.2.1. Lý do giảm:
- 5.2.2. Thời gian giảm:
- 5.2.3. Số tiền giảm:
6. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước $[(6) = (3) - (4) - (5.1.3) - (5.2.3)]$: **53.000.000 đồng**
(Viết bằng chữ: Năm mươi ba triệu đồng)
7. Thời hạn nộp tiền:

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất.
- Chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại theo Thông báo này.

IV. THÔNG TIN NỘP NGÂN SÁCH (Người nộp thuế, ngân hàng, kho bạc nhà nước phải ghi đầy đủ các thông tin dưới đây trên chứng từ nộp tiền khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước)

1. Tên người nộp thuế: **Nguyễn Văn Dân**
2. Mã số thuế: **3800554789**
3. Tài khoản thu ngân sách nhà nước của kho bạc nhà nước: KBNN Chơn Thành - Bình Phước mở tại ngân hàng:
Ngân hàng NNPTNT TX Chơn Thành; Ngân hàng BIDV; Ngân hàng Vietinbank; Ngân hàng Vietcombank; Ngân hàng ACB; Ngân hàng Sacombank Chi nhánh Chơn Thành.
4. Tên cơ quan quản lý thu: Chi cục Thuế TX Chơn Thành, Mã cơ quan quản lý thu: 1019679
5. Tên chương: Hộ gia đình, cá nhân, Mã chương: 757
6. Tên nội dung kinh tế (Tiểu mục): Đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, Mã tiểu mục: 1411
7. Tên địa bàn hành chính: Thị xã Chơn Thành, Mã địa bàn hành chính: 697
8. Mã định danh hồ sơ/mã hồ sơ: LTB2470710-TK0002580

Trường hợp người nộp thuế chậm nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo này thì ngoài số tiền sử dụng đất phải nộp, người nộp thuế phải tự xác định số tiền chậm nộp (= số ngày chậm nộp x 0,03%/ngày); nộp đầy đủ tiền sử dụng đất phải nộp và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Chi cục Thuế TX Chơn Thành theo số điện thoại: 0271.3668787, địa chỉ: Khu TTHC TX Chơn Thành, Phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. để được hướng dẫn cụ thể.

Chi cục Thuế TX Chơn Thành thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Nguyễn Văn Dân;
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ về giải quyết thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất;
- Các bộ phận liên quan;
- Lưu: VT, bộ phận ban hành TB.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Hoàng Xuân Trung

CỤC THUẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHI CỤC THUẾ TX CHƠN THÀNHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: LTB2470710-TK0002579/TB-CCT

Thị xã Chơn Thành, ngày 01 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO NỘP TIỀN
Về lệ phí trước bạ nhà, đất

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật Phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành về lệ phí trước bạ;
Căn cứ hồ sơ và Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số: 2000 ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Cơ quan tiếp nhận hồ sơ về giải quyết thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất, hoặc căn cứ hồ sơ của người nộp lệ phí trước bạ.
Chi cục Thuế TX Chơn Thành xác định và thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ

- Tên người nộp thuế: **Nguyễn Văn Dân**
- Mã số thuế: **3800554789**
- Địa chỉ: **Tổ 4, Kp.Phú Thanh**
- Điện thoại: Email:
- Tên đại lý thuế/ hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

- Thông tin về đất
 - Thửa đất số: **141** Tờ bản đồ số: **74**
 - Địa chỉ: **KP 3, Phường Hưng Long, Thị xã Chơn Thành, Bình Phước**
 - Số nhà: Toà nhà:
Ngõ/hẻm:
Đường/phố:
Thôn/xóm/ấp:
 - Phường/xã: **Phường Hưng Long**
 - Quận/huyện: **Thị xã Chơn Thành**
 - Tỉnh/thành phố: **Bình Phước**
 - Loại đất: **Đất ở đô thị**
 - Vị trí theo Bảng giá đất:
 - Đường/đoạn đường/khu vực:
- Đường Thành Thái/Ngã ba ranh giới KP 1-3-Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64 tờ bản đồ số 65)
 - Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...): **Phạm vi 1**
 - Diện tích thửa đất (m²): **50**
 - Đơn giá đất tính lệ phí trước bạ (đồng/m²): **1.200.000**
2. Thông tin về nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho mục đích khác:
- Loại nhà:
Cấp nhà:
Hạng nhà:

- 2.2. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:
2.3. Diện tích xây dựng (m2):
2.4. Diện tích sàn xây dựng (m2):
2.5. Đơn giá một mét vuông sàn nhà tính lệ phí trước bạ (đồng/m2):

III. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Tổng giá trị nhà, đất tính lệ phí trước bạ $[(1) = (1.1) + (1.2)]$: **60.000.000 đồng**
1.1. Đất $[(1.1 = 1.5 \times 1.6)]$: **60.000.000 đồng**
1.2. Nhà $[(1.2 = 2.2 \times 2.4 \times 2.5)]$:
2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp: **$60.000.000 \times 0,5\% = 300.000$ đồng**
3. Miễn lệ phí trước bạ:
3.1. Lý do miễn:
3.2. Số tiền được miễn:
4. Số tiền lệ phí trước bạ còn phải nộp $[(4) = (2) - (3.2)]$: **300.000 đồng**
(Viết bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng)
5. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo này.

IV. THÔNG TIN NỘP NGÂN SÁCH (Người nộp thuế, ngân hàng, kho bạc nhà nước phải ghi đầy đủ các thông tin dưới đây trên chứng từ nộp tiền khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước)

1. Tên người nộp thuế: **Nguyễn Văn Dân**
2. Mã số thuế: **3800554789**
3. Tài khoản thu ngân sách nhà nước của kho bạc nhà nước: KBNN Chơn Thành - Bình Phước mở tại ngân hàng:
Ngân hàng NNPTNT TX Chơn Thành; Ngân hàng BIDV; Ngân hàng Vietinbank; Ngân hàng Vietcombank; Ngân hàng ACB; Ngân hàng Sacombank Chi nhánh Chơn Thành.
4. Tên cơ quan quản lý thu: Chi cục Thuế TX Chơn Thành, Mã cơ quan quản lý thu: 1019679
5. Tên chương: Hộ gia đình, cá nhân, Mã chương: 757
6. Tên nội dung kinh tế (Tiểu mục): Lệ phí trước bạ nhà đất, Mã tiểu mục: 2801
7. Tên địa bàn hành chính: Thị xã Chơn Thành, Mã địa bàn hành chính: 697
8. Mã định danh hồ sơ/mã hồ sơ: LTB2470710-TK0002579

Trường hợp người nộp thuế chậm nộp tiền lệ phí trước bạ vào ngân sách nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo này thì ngoài số tiền lệ phí trước bạ phải nộp, người nộp thuế phải tự xác định số tiền chậm nộp (= số ngày chậm nộp \times 0,03%/ngày); nộp đầy đủ tiền lệ phí trước bạ phải nộp và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Chi cục Thuế TX Chơn Thành theo số điện thoại: 0271.3668787, địa chỉ: Khu TTHC TX Chơn Thành, Phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. để được hướng dẫn cụ thể.

Chi cục Thuế TX Chơn Thành thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Nguyễn Văn Dân;
- Các bộ phận liên quan;
- Lưu: VT, bộ phận ban hành TB.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Hoàng Xuân Trung